TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-PT
Ngày 28 - 02 - 2024
V/v tranh chấp tiền bồi thường quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp tiền bồi thường quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2024/QĐPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20/2024/QĐPT-DS ngày 20/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị B, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Thị B:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2022 (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn D, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2024 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thiên S, là Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp Phước Hội, xã Ngũ Lạc, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Võ N, sinh năm 1999 (vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Võ Việt T, sinh năm 2002 (vắng mặt);

5. Anh Đỗ Tấn L, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Võ N, anh Nguyễn Võ Việt T, anh Đỗ Tấn L: Ông Võ Văn D sinh năm 1973, địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2024 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị B và người đại diện hợp pháp của bà B trình bày: Bà Lý Thị B có thửa đất số 9 diện tích 20.726,9m^2, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh được Uỷ ban nhân dân huyện D cấp lần đầu vào ngày 01/4/2003, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp đổi vào ngày 26/11/2018 do bà Lý Thị B đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Bon (chồng bà B) nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Như vào năm 1993, có lập giấy tay nhưng đã bị thất lạc, hiện nay ông Bon và ông Như đều đã chết. Năm 2022 nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và và tái định cư Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D - Hạng mục Kè bảo vệ kênh Quan Chánh Bố, khi nhà nước tiến hành đo đạc và đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà mới biết đất còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.799,3m^2 nằm trong tổng diện tích 20.726,9m^2, thuộc một phần của thửa số 9, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, hiện trạng do ông Lê Văn N sử dụng từ trước đến nay, từ đó bà mới khởi kiện tranh chấp. Nhà nước quyết định bồi thường giá trị đất 368.532.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác 493.909.000 đồng, số tiền này được nhà nước giao cho ông Lê Văn N được nhận. Nay bà B khởi kiện yêu cầu được nhận lại tổng số tiền nhà nước bồi thường 862.441.000 đồng vì số tiền bồi thường này là tiền bồi thường thuộc phần đất do bà B được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Phần đất tranh chấp 3.799,3m^2 nằm nột phần trong diện tích 20.726,9m^2, thửa số 9 tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Trung T vào năm 2004, khi nhận chuyển nhượng có bờ ranh cắm trụ đá, ông canh tác sử dụng từ năm 2004 đến nay không thay đổi hiện trạng, gia đình bà B chưa từng sử

dụng phần đất này. Năm 2022 khi nhà nước thu hồi đất, bồi hoàn tiền cho ông thì ông mới biết đất của ông được cấp quyền sử dụng cho bà B, trong khi đất ông canh tác quản lý, sử dụng ổn định lâu dài không ai tranh chấp. Việc bà B khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền bồi thường 862.441.000 đồng ông không đồng ý vì đất của ông được nhà nước bồi thường thì ông được thụ hưởng là đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Võ N, anh Đỗ Tấn L, anh Nguyễn Võ Việt T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị B. Ông Lê Văn N được đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền nhận 862.441.000 đồng (Trong đó Bồi thường về đất 368.532.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác 493.909.000 đồng).

Nghiêm cấm các đương sự trong vụ án có hành vi cản trở, xâm chiếm, hoặc làm gián đoạn quá trình thi công công trình theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/10/2023, bị đơn bà Lý Thị B kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án dân sự số 48/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận cho bà được nhận số tiền bồi thường 862.441.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị B trình bày: Phần đất tranh chấp 3.799,3m^2 nằm nột phần trong diện tích 20.726,9m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 5 được xác định là của bà B được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật, về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không đưa Tiểu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D, Ủy ban nhân dân huyện D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, hai thành viên trong hộ bà B là chị Nguyễn Thị Bích T và Đỗ Phi P, ông Nguyễn Trung T là người có liên quan đến đến việc chuyển nhượng đất vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về nội dung mặc dù đất tranh chấp là do ông N sử dụng nhưng quyền sử dụng được cấp cho bà B, sở dĩ bà B không sử dụng đất tranh chấp là do diện tích đất nhiều bà B không đo đạc, kiểm định cắm mốc nên không biết được ông N đã lấn chiếm, không biết hết vị trị đất, nên khi nhà nước kiểm đạc để bồi thường làm dự án thì bà B mới biết phần đất được cấp quyền sử dụng cho bà B, nên mới kiện đòi lại. Với những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Quan điểm của phát biểu của Kiểm sát Viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc tranh chấp 3.799,3m^2 nằm nột phần trong diện tích 20.726,9m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 5, trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ bà B, nhưng hiện trạng thực tế ông N chuyển nhượng từ ông T và đã quản lý sử dụng từ năm 2004 đến nay 20 năm, không có tranh chấp hay gặp sự ngăn cản nào từ phía gia đình bà B. Tại công văn số Công văn số 1023/UBND-NC ngày 08/08/2023 của Uỷ ban nhân dân huyện D cũng đã xác định diện tích đất tranh chấp là của ông N, giữa đất của ông N và bà B được phân định bằng bờ ranh hiện trạng từ năm 1993 đến nay không thay đổi, việc cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.799,3m^2 của ông N đang sử dụng cho bà B là không đúng theo quy định của pháp luật, trong vụ án này các bên xác định chỉ tranh chấp số tiền bồi thường ai là người nhận do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp tiền bồi hoàn quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật, cơ sở các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định ông N được đến Tiểu Hội đồng bồi thường tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình luồng tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) nhận số tiền 862.441.000 đồng, đề nghi Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của bà B, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2022 bà B khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tại cuộc hòa giải ngày 30/8/2023 nguyên đơn và bị đơn xác định nội dung khởi kiện thực chất chỉ tranh chấp số tiền bồi thường nên Toà án cấp sơ thẩm xác định lại quan hệ "Tranh chấp bồi thường quyền sử dụng đất", tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo nguyên đơn còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nhận thấy diện tích đất tranh chấp 3.799,3m^2 nằm một phần trong tổng diện tích 20.726,9m^2, thửa số 9, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh hiện trạng ông Lê Văn N quản lý sử dụng từ năm 2004 đến nay, hiện trạng đất của hộ bà Lý Thị B liền kề đang quản lý sử dụng là ổn định từ năm 1993 đến nay; được phân định bằng bờ ranh phân chia hiện trạng sử dụng giữa đất bà B và ông N, các bên sử dụng đúng vị trí đất của mình, từ trước đến nay hai bên không xảy ra tranh chấp, hộ bà B không có sử dụng phần đất tranh chấp ngày nào, đến khi nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và và tái định cư Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D - Hạng mục Kè bảo vệ kênh Quan Chánh Bố, bồi thường tiền cho ông N thì bà B

mới nại ra rằng đất của bà và yêu cầu được nhận tiền bồi thường quyền sử dụng đất nên phát sinh tranh chấp, việc này được ông Nguyễn Văn T là người đại biện hợp pháp cho nguyên đơn thừa nhận tại biên bản đối chất ngày 28/8/2022 (BL 86).

[3] Xét về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà B tại Công văn số 1023/UBND-NC ngày 08/08/2023 của Uỷ ban nhân dân huyện D (BL 95, 96) xác định diện tích đất tranh chấp 3.799,3m^2 thuộc một phần của thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, toạ lạc tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh được Uỷ ban nhân dân huyện D cấp lần đầu vào ngày 01/4/2003 (diện tích 27.353m^2), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp đổi vào ngày 26/11/2018 (diện tích 20.726,9m^2) do bà Lý Thị B đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, thực tế phần đất tranh chấp bà B không có sử dụng, mà do ông Lê Văn N sử dụng ổn định theo hiện trạng ngoài thực địa đã có bờ ranh phân ranh đất giữa bà B và ông N từ rất lâu, hai bên cũng đã sử dụng đúng ranh đất của mình từ trước đến nay không thay đổi, việc này được được phía bị đơn thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ, phúc thẩm. Trên cơ sở đó, Uỷ ban nhân dân huyện D cũng khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử cho bà B trong đó có phần đất của ông N đang sử dụng tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5 là chưa đúng đối tượng, chưa đúng diện tích tại thời điểm cấp giấy, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5, ngày 26/11/2018 (diện tích 20.726,9m^2) cho hộ bà Lý Thị B là chưa thực hiện việc kiểm tra vị trí, diện tích đất ngoài thực địa, dẫn đến việc cấp đổi chưa đúng với diện tích thực tế người sử dụng.

[4] Xét việc ông N cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 3.799,3m^2 ông N nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trung T và sử dụng đúng hiện trạng, không thay đổi là có căn cứ, quá trình xác minh ông Trương Văn Giờ, ông Âu Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Sua, ông Lê Thành Chương là những người có đất ở lân cận đất biết rõ nguồn gốc đất của bà B cũng như đất ông N, điều khẳng định hiện trạng sử dụng đất của bà B và ông N là ổn định từ trước đến nay, đúng ranh đất đã xác định giữa hai bên, quá trình sử dụng đất từ trước đến nay bên đất của ai người đó quản lý, sử dụng không ai tranh chấp với ai (BL 77, 79, 81, 83), ông Trầm là người đại diện hợp pháp của bà B tại cấp sơ thẩm, ông Dương là người đại diện hợp pháp của bà B tại cấp phúc thẩm cũng đã khẳng định phần đất tranh chấp 3.799,3m^2 thuộc một phần của thửa đất số 9 hộ bà B cũng không từng sử dụng ngày nào, cho nên việc bà B cho rằng đất này của bà B và yêu cầu được nhận tiền bồi thường là không có căn cứ. Cơ sở để xác định đất tranh chấp là của ông N là khi thực hiện dự án Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh - Hạng mục GPMB bổ sung giai đoạn km 18+248-km30+27 thuộc gói thầu số 11, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 về thu hồi diện tích 1.540,9m^2 đất của hộ bà Lý Thị B hiện trạng sử dụng đất là hộ ông Lê Văn N thuộc thửa 2272 (chiết từ thửa đất số 9), tờ bản đồ số 5, toạ lạc xã Long Khánh, huyện D, tỉnh Trà Vinh và bồi thường cho ông N, bà B cũng thống nhất ký tên cho ông N nhận tiền bồi thường đối với diện tích diện tích 1.540,9m^2, thống nhất không tranh chấp. Đối với diện tích đất tranh chấp diện tích 3.799,3m^2 về ranh giới sử dụng đất giữa bà B và ông N được thể hiện tại Biên bản thẩm định ngày

05/7/2023 (BL 63, 64) ông Trầm là người đại diện hợp pháp của bà B, cũng như ông N cùng ký tên thống nhất sơ đồ hiện trạng đất tranh chấp xác định ranh giới sử dụng đất giữa bà B và ông N ổn định không thay đổi từ trước đến nay, việc này cho thấy bà B thừa nhận đất tranh chấp của ông N. Đến ngày 30/8/2022 Ủy ban nhân dân huyện D tiếp tục ban hành Quyết định số 2745/QĐ-UBND về thu hồi diện tích 3.799,3m^2 của bà B hiện trang ông N sử dụng, ban hành Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 bồi thường cho ông N cũng như lần bồi thường theo Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 về thu hồi diện tích 1.540,9m^2 là phù hợp vì các bên cũng thống nhất các quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất mà Ủy ban nhân dân huyện D, chỉ chưa thống nhất với nhau về số tiền bồi thường về đất thuộc về ai. Từ những cơ sở trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là, chấp nhận cho ông N được nhận tiền bồi thường quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp lý.

[5] Xét khiếu nại của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Đỗ Phi P cho rằng là người trong hộ của bà B Tòa cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, anh P xét thấy đây là vụ kiện tranh chấp tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất, ai là người đại diện được nhận số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, bà B là người đại diện hộ gia đình khởi kiện, nên không cần thiết phải đưa chị T, anh P vào tham gia tố tụng, việc này cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp áp của anh Tuyền, chị Phụng.

Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tiểu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D, Ủy ban nhân dân huyện D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cũng như ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc cấp sơ thẩm không đưa các đương sự trên vào tham gia tố tụng là chưa đầy đủ, riêng đối với ông Nguyễn Trung T quá trình giải quyết cấp sơ thẩm ông T không còn ở địa phương nên cấp sơ thẩm không thể xác minh để đưa ông T vào tham gia tố tụng được, nhưng xét tính toàn diện có hủy án đề đưa các đương sự vào tham gia tố tụng cũng không thay đổi được nội dung của vụ kiện nên không cần thiết.

Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ông Lê Văn N được đến cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền mà không tuyên cụ thể tên cơ quan, địa chỉ là một thiếu sót, khó thi hành án, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa nội dung này cho hoàn chỉnh để đảm bảo việc thi hành án.

Từ những thiếu xót nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8] Về án phúc thẩm: Bà B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N không phải chịu.

[9] Về chi phí tố tụng: Buộc bà B phải chịu toàn bộ chí phí tố tụng, ông N không phải chịu

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Lý Thị B, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị B.

2. Ông Lê Văn N được quyền đến Tiểu Hội đồng bồi thường bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, dự án đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào Sông Hậu, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D, địa chỉ ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh nhận số tiền 862.441.000 đồng (tám trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), trong đó bồi thường về đất 368.532.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng), các khoản hỗ trợ 493.909.000 đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng).

Nghiêm cấm các đương sự có hành vi cản trở, xâm chiếm hoặc làm gián đoạn quá trình thi công dự án của nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lý Thị B phải chịu chi phí thẩm định, định giá số tiền 2.610.000 đồng (hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng), bà B đã nộp đủ.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lý Thị B.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Bình

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan **Phạm Văn Long** **Trịnh Hữu Bình**